

## **CHƯƠNG 3**

# **PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

### **I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG**

1. **Phân tích tỷ số lợi nhuận và rủi ro.**
2. **Phương pháp đo lường bổ sung hoạt động của ngân hàng**

### **II. TĂNG CƯỜNG KỸ NĂNG TRONG QUẢN TRỊ LỢI NHUẬN VÀ RỦI RO**

1. **Phương pháp phân tích ROE**
2. **Cải tiến phương pháp đo lường rủi ro**
3. **Sự đánh đổi thích hợp giữa lợi nhuận và rủi ro**
4. **Báo cáo hoạt động ngân hàng(UBPR)**
5. **Những chỉ dẫn của sự thất bại**

Chương này tổng hợp lại và tăng cường thêm những thông tin tổng quát của ngân hàng và phương pháp đo lường lợi nhuận và rủi ro. Nội dung được mở đầu bằng sự đánh giá 10 chỉ tiêu đo lường kết quả và rủi ro ngân hàng điển hình.

## I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

TOP

Trước tiên cần hệ thống lại các chỉ tiêu đo lường lợi nhuận và rủi ro trong ngân hàng và có điều chỉnh. Chương hai đã trình bày các chỉ tiêu phân tích lợi nhuận và rủi ro nhưng chỉ phù hợp với số liệu đưa ra trong ví dụ ở chương này, như cách tính hai tỷ số rủi ro thanh khoản và rủi ro tín dụng không thể sử dụng phổ biến cho tất cả các ngân hàng. Vì vậy, hai tỷ số rủi ro thanh khoản và rủi ro tín dụng cần được thống nhất lại tính toán dùng cho ngân hàng theo hệ thống các tỷ số sau đây:

Tiếp theo đây ta dùng số liệu ngân hàng CN (chương 1) để làm ví dụ phân tích theo 10 tỷ số đo lường lợi nhuận và rủi ro

**Bảng 1: Tỷ số đo lường rủi ro và lợi nhuận của ngân hàng CN.**

Các tỷ số	2000	2001	2002
Lãi suất cận biên			
Hệ số sinh lợi (LN biên tế)			

Hệ số sử dụng tài sản			
Thu nhập trên tài sản ( ROA)			
Hệ số vốn CSH			
Thu nhập trên vốn CSH (ROE)			
Rủi ro thanh khoản			
Rủi ro lãi suất			
Rủi ro tín dụng			
Rủi ro vốn			

--	--	--	--

## 1. Phân tích tỷ số lợi nhuận và rủi ro.

TOP

Tiếp theo ta cần quan tâm phân tích các tỷ số lợi nhuận và rủi ro của ngân hàng theo trình tự như sau:

- Thứ nhất: Xu hướng của các tỷ số lợi nhuận và rủi ro của ngân hàng qua các năm như thế nào.
- Thứ hai: So sánh các tỷ số này với các ngân hàng khác tương tự và rút ra những điểm mạnh điểm yếu của ngân hàng.
- Cuối cùng: So sánh các tỷ số thực hiện với mục tiêu đã đề ra của ngân hàng (so với kế hoạch).

## 2. Phương pháp đo lường bổ sung hoạt động của ngân hàng

TOP

Trong khi các tỉ số lợi nhuận - rủi ro của ngân hàng được sử dụng để đánh giá hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong những lĩnh vực quan tâm lớn nhất thì phương pháp đo lường bổ sung hoạt động của ngân hàng có thể được sử dụng để làm rõ từng điểm mạnh - yếu của ngân hàng. Điều bao hàm ở đây tại thời điểm phân tích loại đo lường bổ sung nào của ngân hàng có thể sử dụng. Xu hướng, mục đích và số liệu của các ngân hàng cùng nhóm là cơ sở cho sự đánh giá như các tỉ số bổ sung.

- Bốn loại đầu tiên của sự đo lường bổ sung là rất hữu ích cụ thể cho việc hiểu một cách chi tiết các yếu tố thuộc về tỉ suất lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận trên tài sản.

+ Thứ nhất là lợi nhuận (thu nhập) trên mỗi loại tài sản sinh lợi

+ Thứ hai xem xét nguồn thu nhập ngoài lãi suất để xác định hiệu quả hoạt động của ngân hàng từ các nguồn thu nhập ngoài lãi suất.

+ Hai loại khác là chi phí lãi suất của ngân hàng về các nguồn vốn huy động được và những chi phí khác để thực hiện hoạt động của ngân hàng như chi phí lương, chi phí quản lý...

- Cơ cấu nguồn vốn và tài sản của ngân hàng thường cung cấp thông tin bổ sung cho các tỷ số lợi nhuận và rủi ro. Phân tích cơ cấu này trong sự liên hệ với lợi tức trên tài sản và chi phí của các nguồn vốn thường chứng minh có ích.

- Xác định tỷ lệ tăng trưởng hàng năm của một số khoản mục được chọn cung cấp hữu ích cho cả lợi nhuận và rủi ro.

- Cuối cùng, bốn loại của tỷ số rủi ro về tài chính giúp ta hiểu sâu hơn về rủi ro mà ngân hàng chấp nhận khi cố gắng để thu được lợi nhuận cao hơn.

Nội dung đo lường bổ sung của ngân hàng được thiết lập theo bảng sau đây:

**Bảng 2: Nội dung đo lường bổ sung của ngân hàng CN:**

CHỈ TIÊU	2000	2001	2002
<b>1/ Lợi tức trên tài sản sinh lợi</b>			
- Lợi tức trên đầu tư chứng khoán	10.25 %	7.32%	3.52%
- Lợi tức trên các khoản cho vay	13.77	11.33	11.12

- Lợi tức trên tổng tài sản sinh lợi	12.87	10.81	10.11
<b>2/ Hiệu quả thu nhập ngoài lãi suất</b>			
- Phí, lệ phí dịch vụ / Doanh thu	5.02%	7.00%	7.66%
- Thu nhập ngoài lãi suất khác / Doanh thu	2.36	2.58	3.51
- Tổng thu nhập ngoài lãi suất / tổng tài sản sinh lợi	0.95	1.12	1.23
<b>3/ Chi phí cho các nguồn quỹ tiền tệ</b>			
- Chi phí trên tiền gửi tiết kiệm	5.26%	4.80%	4.31%
- Chi phí trên tài khoản thị trường tiền tệ	8.25	7.90	5.77
- Chi phí trên chứng chỉ tiền gửi	8.83	8.01	7.73
- Chi phí trên các hình thức huy động khác	10.74	8.31	8.05
- Tổng chi phí tiền gửi và các hình thức huy động	8.37	7.06	6.49
- Chi phí cho các khoản vay ngắn hạn	11.09	9.93	5.56

- Chi phí cho các nguồn vốn khác	7.85	9.37	7.79
- Tổng chi phí phát sinh ra nguồn vốn	8.53	7.26	6.54
- Chi phí lãi suất / Tài sản sinh lợi	7.35	6.45	5.83
<b>4/ Hiệu quả của chi phí</b>			
- Dự phòng tổn thất tín dụng / Doanh thu	2.27%	2.98%	3.73%
- Tiền lương và trợ cấp / Doanh thu	19.13	20.13	21.69
- Tiền lương và trợ cấp / lao động ( \$ )	19,881.00	20,613.00	22,074.00
- Tổng tài sản / lao động (1000\$)	920.00	1,008.00	1,074.00
- Chi phí hoạt động / Doanh thu	6.16%	6.53%	7.00%
- Chi phí hoạt động / Tổng tài sản	0.70	0.66	0.66
- Chi phí khác / Doanh thu	4.36	4.65	4.96
- Chi phí ngoài lãi suất / Tổng tài sản sinh lợi	3.83	3.65	3.69

- Tổng chi phí / Tổng tài sản sinh lợi	11.47	12.61	11.91
- Thuế / Thu nhập trước thuế	9.56	3.15	7.82
<b>5/ Cấu trúc của tài sản</b>			
- Tài sản sinh lợi / Tổng tài sản ( chi tiết cho từng loại tài sản sinh lợi trên bảng cân đối kế toán )	87.52%	87.04%	86.40%
<b>6/ Cấu trúc của nguồn vốn</b>			
- Nguồn vốn huy động/ Tổng nguồn vốn (Lấy số liệu chi tiết từng loại nguồn vốn trên bảng cân đối kế toán )			
<b>7/ Tỷ lệ tăng trưởng hàng năm</b>			
- Tỷ lệ tăng trưởng của tổng tài sản		14.84%	9.77%
- Tỷ lệ tăng trưởng của cho vay		27.54	11.73
- Tỷ lệ tăng trưởng của tiền gửi		14.24	10.74
- Tỷ lệ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu		15.27	7.25



<b>8/ Các tỷ số thanh khoản bổ sung</b>			
- Tài sản thanh khoản / Tổng tài sản	7.56%	5.75%	4.95%
- Tổng nợ vay / Vốn chủ sở hữu	35.63	40.79	32.88
- Tiền gửi dễ biến động/ Tổng số tiền gửi	34.20	28.21	33.47
<b>9/ Các tỷ số nhạy cảm với lãi suất bổ sung</b>			
- Tài sản nhạy cảm lãi suất / Tổng tài sản	43.69%	44.88%	48.12%
- Nguồn vốn nhạy cảm lãi suất / Tổng tài sản	40.31	49.70	55.93
<b>10/ Chỉ tiêu đánh giá tổng tài sản tín dụng bổ sung</b>			
- Tài sản rủi ro / Tổng tài sản	79.95%	81.29%	81.45%
- Dự phòng tổn thất tín dụng / Tổng dư nợ	0.45	0.59	0.56
<b>11/ Các tỷ số vốn bổ sung</b>			
- Vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	7.55%	7.58%	7.40%

- Vốn chủ sở hữu / Tổng dư nợ	13.46	12.17	11.68
-------------------------------	-------	-------	-------

Bảng trên cho thấy các chỉ tiêu đo lường bổ sung cho lợi nhuận và rủi ro của ngân hàng cần phải tính qua 3 năm để có thể phân tích được xu hướng của các chỉ tiêu, từ đó có thể rút ra kết luận chính xác hơn.

## II. TĂNG CƯỜNG KỸ NĂNG TRONG QUẢN TRỊ LỢI NHUẬN VÀ RỦI RO

TOP

Phương pháp phân tích được áp dụng bởi Ngân hàng CN (chương 1) đã được các nhà NH, nhà phân tích và các nhà làm qui chế áp dụng rộng rãi. Tăng cường kỹ năng phân tích của phương pháp tiếp cận truyền thống về đo lường lợi nhuận và rủi ro được đề cập trong hai nội dung sau đây:

### 1. Phương pháp phân tích ROE

TOP

Mục đích của phần này là trình bày và giải thích một sự lựa chọn phương pháp phân tích ROE. Phương pháp này cho rằng ROE của ngân hàng là tổng hợp của 2 thành phần:

- Thành phần thứ nhất: thu nhập của NH trên sự đầu tư vốn như cho vay, đầu tư chứng khoán, và các khoản đầu tư khác (Return on invested fund được viết tắt là ROIF)

- Thành phần thứ hai: thu nhập của ngân hàng trên đòn bẩy tài chính (Return on Financial Leverage được viết tắt là ROFL) nó phản ánh mức độ mà ngân hàng lợi dụng

vốn chủ sở hữu và sự trao đổi giữa vốn chủ sở hữu và nợ phải trả để có được thu nhập tối ưu.

Từ hai thành phần trên ta có: **ROE = ROIF + ROFL**

Sau đây chúng tôi sẽ giải thích phương pháp phân tích ROE này và dùng nó để phân tích sự thay đổi ROE của ngân hàng qua các năm.

Cũng như hầu hết các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại thu hút được nguồn quỹ tiền tệ (bao gồm các khoản nợ và vốn chủ sở hữu) rồi đem đầu tư vào những tài sản tài chính hoặc phi tài chính với những lãi suất được cụ thể ở đây là ROIF. Thu nhập này có thể được khái niệm đơn giản đó là tỉ số giữa thu nhập hoạt động chia cho tài sản sinh lợi

#### ***Công thức 1:***

Thu nhập hoạt động = Doanh thu - Chi phí hoạt động sau thuế

- Doanh thu là tổng cộng tất cả các khoản thu nhập lãi suất cho vay và đầu tư chứng khoán thu phí dịch vụ và các khoản thu nhập ngoài lãi suất khác.

- Chi phí hoạt động là tổng số của dự trữ cho tổn thất cho vay, chi phí nhân viên và các khoản chi phí ngoài lãi suất khác.

#### ***Công thức 2:***

**ROIF = Tỷ suất sử dụng tài sản - Tỉ suất chi phí hoạt động**

t : thuế suất thuế thu nhập ngân hàng

Ví dụ: Lấy số liệu từ bảng cân đối kế toán và báo cáo thu nhập của Ngân hàng  
CN

(chương 1) trong năm 2000 với doanh thu chịu thuế là 11.996 ngàn USD, doanh thu miễn trừ thuế là 1.098 ngàn USD và thuế suất 39%, tỷ suất sử dụng tài sản được tính như sau:

- Chi phí hoạt động (chi phí ngoài lãi suất) là những khoản chi phí chi cho hoạt động của ngân hàng sẽ là sự giảm trừ thuế, chi phí này cũng phải được tính ở thuế suất ( t )

$$ROIF = 5,06\%$$

+ Thành phần thứ 2 của phương pháp phân tích ROE là ROFL. Đo lường sự ảnh hưởng trên ROE khi ngân hàng gia tăng nợ phải trả với tỷ suất chi phí cụ thể và rồi đầu tư những khoản này vào các tài sản sinh lợi để thu được ROIF .. Cụ thể hơn, tài sản ngân hàng đã được thể hiện theo tính chất cân đối trong kế toán như sau:

$$\textbf{Tài sản} = \textbf{Nguồn quỹ đầu tư} = \textbf{Nợ} + \textbf{Vốn chủ sở hữu}.$$

ROFL của ngân hàng là kết quả của sự chênh lệch giữa ROIF và chi phí vốn sau thuế  $K_d(1 - t)$  nhân với tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu ( L )

$$ROFL = [ ROIF - K_d(1 - t) ] \times [ L ]$$

Trong đó:

$$L = \text{Tổng nợ} / \text{Vốn chủ sở hữu}$$

Một lần nữa, sử dụng ví dụ Ngân hàng CN trong năm 2000 - Tỷ số nợ/vốn chủ sở hữu và chi phí nợ (vốn) sau thuế như sau:

Khoảng cách đòn bẩy của ngân hàng CN là 0,81% ( ROIF trừ chi phí vốn sau thuế là 5,06% - 4,25% = 0,81%) vì vậy, ngân hàng có thể đầu tư \$ 107,195 vốn với chi phí 4,25% sau thuế để thu được ROIF là 5,06%, ROFL 2000 của ngân hàng CN được tính như sau:

$$ROFL = [5.06 - 4,25\%] [12,24] = 9,92\%$$

Và công thức phân tích ROE năm 2000 là:

$$ROE = ROIF + ROFL = 5,06\% + 9,92\% = 14,98\%$$

Từ sự phân tích trên chúng ta có thể rút ra kết luận rằng: nếu ROIF nhỏ hơn chi phí vốn sau thuế thì ROE sẽ thấp và dễ dàng trở thành số âm.

Ví dụ: Giả sử như ROIF = 4,75%

$$Kd(1 - t) = 5,25\%$$

$$L = 13.00$$

$$ROE = 4,75\% + [- 0,50\%] [13.00] = 4,75\% - 6,50\% = - 1,75\%$$

với sự chênh lệch âm, ROE giảm trong khi (L) tăng.

Chúng ta có thể tóm tắt phương pháp phân tích trên đây bằng một sơ đồ, qua sơ đồ này cho thấy các yếu tố tác động làm tăng hoặc giảm ROE một cách rõ ràng hơn, từ đó sẽ có cách điều chỉnh để tăng ROE.

Nếu ta ứng dụng sơ đồ này vào ví dụ Ngân hàng CN - ROE của ngân hàng trong năm 2000, 2001, 2002 theo phương pháp phân tích trên cho thấy được từng yếu tố ảnh hưởng đến tỷ số:

Bảng số 3 : Bảng phân tích ROE của ngân hàng CN qua 3 năm

Chỉ tiêu	2000 (%)	2001 (%)	2002 (%)
----------	----------	----------	----------

Hiệu suất sử dụng tài sản	7,26	6,60	6,22
Tỷ số chi phí hoạt động	2,20	2,12	2,23
ROIF	5,06	4,38	3,99
ROIF	5,06	4,38	3,99
Kd (1 - t)	4,25	3,77	3,43
Khoảng cách đòn bẩy	0,81	0,61	0,56
Tỉ số L ( Nợ/VCSH)	12,24 lần	12,19 lần	12,50 lần
ROFL	9,92	7,44	7,00
ROE = ROIF + ROFL	14,98	11,72	10,99

Sử dụng phương pháp phân tích này nói lên điều gì cho sự quản trị về nguyên nhân làm giảm ROE xuống 11,72% trong năm 2001. Nội dung phân tích cho thấy được kết quả ROE giảm xuống trong năm 2001 là do hiệu suất sử dụng tài sản giảm, khoảng cách đòn bẩy giảm và tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm.

## 2. Cải tiến phương pháp đo lường rủi ro

TOP

Trong môi trường hoạt động nhiều thử thách, các NH phải gánh chịu rủi ro đáng kể để kiếm được lợi nhuận. Đo lường và quản trị rủi ro là khía cạnh quan trọng nhất của quản trị tài chính ngân hàng.

### Bảng số 4 : Các loại rủi ro trong hoạt động của các ngân hàng thương mại



- Bảng cân đối kế toán		Rủi ro tín dụng
	Rủi ro tài chính	Rủi ro thanh khoản
		Rủi ro lãi suất
		Rủi ro vốn CSH

## 2.1 Rủi ro môi trường

Các ngân hàng thương mại phải hoạt động vượt qua những tác động từ môi trường bên ngoài một cách tốt nhất và trong sự kiểm soát rất hạn chế để đạt được kết quả mong muốn với rủi ro có thể chấp nhận được. Trong môi trường hoạt động những rủi ro ngân hàng cần quan tâm như: Thứ nhất là rủi ro luật pháp chỉ rằng một sự thay đổi trong pháp luật ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả của ngân hàng thương mại, làm cho kết quả bị giảm sút, hoặc bị hạn chế trong lãnh vực hoạt động.

Thứ hai là rủi ro kinh tế, rủi ro này gắn với yếu tố kinh tế của từng vùng hay từng quốc gia nó có thể ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của ngân hàng, khi nền kinh tế thịnh vượng thì chắc chắn hoạt động của ngân hàng cũng sẽ phát triển mạnh và ngược lại nếu nền kinh tế bị suy thoái, thì hoạt động của ngân hàng cần phải thu hẹp lại để tránh sự phá sản.

Kế đến là rủi ro cạnh tranh, sự cạnh tranh ngày càng gia tăng bởi vì hầu hết các dịch vụ và sản phẩm của ngân hàng có thể được cung cấp ngày càng nhiều hơn bởi các doanh nghiệp tài chính và phi tài chính, và cuối cùng là rủi ro định chế: đây là những chế độ, qui tắc đã được qui định, mà ngân hàng phải hoạt động và sống với những qui tắc đó, những chế độ và qui tắc này có thể đặt ngân hàng vào thế bất lợi trong cạnh tranh.



## **2.2 Rủi ro quản trị gây ra bởi những người quản trị ngân hàng**

+ Rủi ro biến thủ tiền bạc đó là rủi ro do tính không trung thực của nhân viên và cán bộ gây ra, làm mất mát tiền bạc, sử dụng tiền vào hoạt động cá nhân .

+ Rủi ro tổ chức là rủi ro mà ngân hàng sẽ không có hiệu quả trong tổ chức, như bộ máy tổ chức quá nặng nề, chưa có tính thống nhất trong các quyết định, sử dụng nhân chưa viên thích hợp, chưa đúng năng lực.

+ Rủi ro khả năng (năng lực) đó là rủi ro mà kế hoạch bù đắp của ngân hàng không thể cung cấp thích hợp.

Sử dụng con người đúng năng lực và phải bù đắp phù hợp với năng lực mà người lao động đã tham gia vào hoạt động.

## **2.3 Rủi ro phân phối, nó xảy ra khi ngân hàng cung cấp dịch vụ tài chính, có 4 loại rủi ro chính như sau:**

+ Rủi ro hoạt động, đôi khi còn được gọi là rủi ro quản lý, là năng lực của ngân hàng để phân phối những dịch vụ tài chính một cách có lãi.

+ Rủi ro kỹ thuật là rủi ro của hệ thống phân phối hiện tại trở nên không hiệu quả do phát triển phân phối sản phẩm và dịch vụ mới.

+ Rủi ro sản phẩm mới là sự nguy cơ có liên quan với sự đưa ra sản phẩm và dịch vụ mới. Thiếu năng lực quản trị trong thị trường mới có thể dẫn đến những vấn đề căng thẳng cho sản phẩm mới, như không thu hút được khách hàng, không chiếm lĩnh được thị trường, chi phí đầu tư cao.

+ Rủi ro năng lực (tài năng) của ngân hàng chọn vùng địa lý, lãnh vực sản phẩm sẽ đem lại lợi nhuận cho ngân hàng trong một môi trường tương lai phức tạp.

## **2.3 Rủi ro tài chính, nó được đề cập đến trong quản trị bằng cân đối kế toán.**

+ Rủi ro tín dụng, cũng được gọi sự không hoàn thành hoặc là rủi ro chất lượng tài sản, là khả năng của việc nhận số tiền từ những tài sản khi đã hứa.

+ Rủi ro thanh khoản: hoặc rủi ro cung cấp tiền chỉ năng lực tiềm tàng của ngân hàng cung cấp tiền cho nhu cầu tài chính của ngân hàng.

+ Rủi ro lãi suất: chỉ một sự ảnh hưởng tiêu cực (ngược lại) đến số tiền và giá trị của tài sản hay nợ phải trả do lãi suất thay đổi.

+ Rủi ro hệ số vốn CSH là một sự thể hiện của vốn một ngân hàng phải bảo vệ các chủ tiền gửi hoặc các người cho vay từ sự giảm xuống trong giá trị tài sản.

Sau đây là 4 loại rủi ro tài chính được đo lường bằng phương pháp truyền thống:

- Rủi ro tín dụng, theo phương pháp đo lường truyền thống cần xem xét các chỉ tiêu như:

+ Cho vay bao gồm doanh số cho vay và dư nợ cho vay, chỉ tiêu này cho biết qui mô về hoạt động tín dụng của ngân hàng, đồng thời cho thấy mức độ đầu tư vào từng lĩnh vực, lĩnh vực rủi ro cao hay thấp.

+ Tổn thất cho vay/cho vay, chỉ tiêu này đánh giá mức độ tổn thất trong hoạt động tín dụng là bao nhiêu phần trăm ( % ) so với tổng số cho vay, chỉ tiêu của ngân hàng nên được so với chỉ tiêu trung bình ngành.

+ Dự trữ tổn thất/cho vay, chỉ tiêu này cho thấy tình hình dự trữ cho tổn thất tín dụng của ngân hàng chiếm bao nhiêu phần trăm ( % ) trong tổng số cho vay, chỉ tiêu cũng cho biết được chất lượng hoạt động tín dụng, vì mức dự trữ tổn thất dựa vào các khoản cho vay chất lượng thấp tức là rủi ro cao.

Những chỉ tiêu đo lường này có khuynh hướng chịu thiệt hại vì nó có thể làm sút giảm lợi nhuận thu được, khi chấp nhận rủi ro tín dụng cao hơn.

- Rủi ro thanh khoản, phương pháp đo lường truyền thống bao gồm các chỉ tiêu sau:

+ Dư nợ cho vay/tiền gửi (huy động), chỉ tiêu này cho thấy mức độ sử dụng nguồn tiền huy động để cho vay, chỉ tiêu này càng cao khả năng thanh toán càng giảm, nhất là tập trung vào cho vay trung và dài hạn.

+ Tài sản thanh khoản/tiền gửi, chỉ tiêu này cho thấy tài sản dùng để thanh toán cho các khoản tiền gửi có thể rút ra ở bất cứ kỳ hạn nào, chỉ tiêu này càng cao thì càng ít rủi ro.

Cách phân tích này có khuynh hướng chú trọng đến thanh khoản của tài sản trên bảng cân đối kế toán.

- Rủi ro lãi suất:

+ Tài sản nhạy cảm lãi suất/nguồn vốn nhạy cảm lãi suất

+ Số chênh lệch giữa tài sản nhạy cảm lãi suất và nguồn vốn nhạy cảm lãi suất.

Vấn đề gặp phải đối với những phương pháp đo lường truyền thống này bao gồm sự khó khăn trong việc chọn kỳ hạn để sử dụng như là tiêu chuẩn cho sự nhạy cảm chú ý đến sự tái đầu tư và lãi suất thay đổi ảnh hưởng đến sự nhạy cảm lãi suất một cách nhanh chóng và đều đặn, và sự thất bại để xem xét sự nhạy cảm giá trị đối với sự thay đổi lãi suất.

- Rủi ro vốn, phương pháp truyền thống như:

+ Vốn chủ sở hữu/tiền gửi

+ Tỷ số vốn/tài sản

Những điểm yếu của sự đo lường này bao gồm sự nhấn mạnh giá trị bảng cân đối kế toán, không nhận thấy rõ sự khác nhau trong rủi ro giữa các tài sản khác nhau,

cũng không thấy rõ những khoản ngoài bảng cân đối kế toán, và sử dụng giá trị sổ sách hơn là giá trị thị trường cho cả tài sản và vốn chủ sở hữu.

1) Rủi ro tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho vay/tài sản</li> <li>- Tổn thất cho vay/cho vay</li> <li>- Dự trữ tổn thất/cho vay</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự tập trung cho vay</li> <li>- Tăng trưởng cho vay</li> <li>- Lãi suất cho vay cao</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích tín dụng</li> <li>- Cách chứng minh = tín dụng</li> <li>- Kiểm tra tín dụng</li> <li>- Đánh giá rủi ro đặc biệt</li> </ul>
2) Rủi ro thanh khoản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho vay/tiền gửi</li> <li>- Tài sản thanh khoản/tiền gửi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn quỹ mua</li> <li>- Chi phí vay mượn</li> <li>- Tài sản thanh khoản</li> <li>- Vay mượn /tiền gửi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự trữ thanh khoản</li> <li>- Chi phí/ mô hình định giá</li> <li>- Phát triển nguồn quỹ</li> </ul>
3) Rủi ro lãi suất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài sản nhạy cảm LS/nợ</li> </ul>		

4) Rủi ro vốn	phải trả nhạy cảm LS	- Số lượng cách biệt nhau	- Quản trị sự cách biệt chuyển động
	- Sự cách biệt giữa 2 loại	- Kỳ hạn	- Phân tích kỳ hạn
		- Sự cách biệt về chuyển động LS	
	- Vốn cổ đông/tiền gửi	- Rủi ro tài sản đã điều chỉnh/vốn cổ đông	- Hoạch định vốn
	- Vốn cổ đông/tổng tài sản	- Tăng trưởng trong tài sản	- Phân tích sự tăng trưởng bền vững
	- Vốn chủ sở hữu/tổng tài sản	- Tăng trưởng vốn cổ phần	- Chính sách chia cổ phần
			- Rủi ro điều chỉnh vốn

### 3. Sự đánh đổi thích hợp giữa lợi nhuận và rủi ro

TOP

Sự đánh đổi giữa lợi nhuận và rủi ro đã được thảo luận không một câu hỏi nào rằng những rủi ro nào phải chấp nhận để có được lợi nhuận một cách thích đáng, mà là bao nhiêu rủi ro và lợi nhuận. Vấn đề cơ bản ở đây là quản trị ngân hàng nên cố gắng tối đa hóa giá trị vốn đầu tư của chủ đầu tư ngân hàng. Tối đa hóa giá trị này bao gồm cả hai, lợi nhuận và rủi ro và sự cân bằng giữa hai.

## Sơ đồ 2: Thành phần của mục tiêu tối đa hóa giá trị chủ đầu tư

Các chỉ tiêu đo lường lợi nhuận khác nhau không chỉ bao gồm ROA và ROE, mà còn định bởi thời gian của lợi nhuận và viễn cảnh lợi nhuận trong tương lai.

- Chất lượng hoặc rủi ro của lợi nhuận có liên quan đến số lượng

- Thời gian và lợi nhuận trong tương lai. Lợi nhuận có thể tăng nhanh bằng cách chấp nhận rủi ro hoạt động và tài chính nhiều hơn

- + Thời gian của lợi nhuận và viễn tương lai bị ảnh hưởng bởi rủi ro hoạt động và rủi ro tài chính.

- + Rủi ro môi trường nó không làm gia tăng lợi nhuận một cách cụ thể nhưng cung cấp như 1 hạn chế trên chu kỳ và quyết định rủi ro.

- Sự quản trị của những ngân hàng lớn hơn hoặc những ngân hàng có nắm giữ nhiều công ty, cổ phần của chúng bán trên thị trường rất cao giá trị nên dùng giá thị trường đối với các chi phí thông thường của ngân hàng như là một hướng dẫn để cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro.

- + Ngân hàng nên chấp nhận thêm rủi ro nếu giá trị thị trường tăng. Bởi vì sự tăng trong lợi nhuận lớn hơn sự bù đắp phần giảm lợi nhuận nhiều lần kết quả từ sự chấp nhận rủi ro cao hơn.

- + Nếu giá thị trường giảm, lợi nhuận giảm trước tiên nhưng rủi ro thấp hơn nhiều lần đó là sự chọn tốt nhất.

- Đối với những ngân hàng mà cổ phiếu không thể bán được giá cao trên thị trường thì công thức sau đây là sự hướng dẫn.

Tối đa hóa giá trị của chủ đầu tư được tính toán bằng tính giảm các khoản thu nhập của cổ đông.

#### **4. Báo cáo hoạt động ngân hàng thống nhất (UBPR)**

TOP

Báo cáo hoạt động của ngân hàng bao gồm những nội dung sau đây:

- Tóm tắt các tỷ số: Các tỷ số sau phân tích lợi nhuận và rủi ro của ngân hàng trong năm báo cáo

- Thông tin thu nhập: Căn cứ trên các báo cáo tài chính của ngân hàng

- Báo cáo thu nhập - Doanh thu và chi phí

- Thu nhập ngoài lãi suất và chi phí và kết quả mang lại

#### **\* Thông tin bảng cân đối kế toán**

- Tài sản, nợ phải trả, vốn

- Tỷ lệ cấu tạo nên tài sản và nguồn vốn trong bảng cân đối kế toán

- Phân tích khoản cho vay, dự trữ tổn thất và các loại cho vay

- Phân tích nợ quá hạn, sự không tích lũy, và cấu trúc lại khoản cho vay, cho thuê

- Phân phối kỳ hạn và định giá lại

- Thanh khoản và danh mục đầu tư

- Phân tích vốn

Tóm tắt các tỉ số được chia thành 5 loại với 3 phương pháp đo lường được báo cáo cho mỗi tỉ số.

- 5 loại tỷ số:

+ Thu nhập và khả năng sinh lợi

+ Phân tích cho vay, cho thuê

+ Thanh khoản

+ Sự tư bản hóa

+ Tỷ lệ tăng trưởng

- 3 phương pháp đo lường được báo cáo

+ Các tỷ số của ngân hàng được chọn.

+ Tỷ số trung bình cho nhóm ngân hàng

+ Tỷ lệ phần trăm giới hạn của tỷ số ngân hàng được đòi hỏi trong nhóm ngân hàng

Sự sử dụng có hiệu quả nhất của báo cáo có lẽ có được từ sự nghiên cứu phân tóm tắt các tỷ số này làm rõ điểm mạnh và điểm yếu tiềm tàng, và theo đó phân tích chi tiết cụ thể từng trong những phần còn lại. Người sử dụng báo cáo cũng nên được nhận thức ít nhất 3 điểm yếu của những báo cáo sau đây:

- Thứ nhất: báo cáo được chuẩn bị từ quan điểm định chế. Bất cứ giá thị trường có thể có được dữ liệu cổ phiếu, hoặc ROE thì quan trọng đối với sự mong ước của cổ đông nhưng bị bỏ qua.

- Thứ 2: Dữ liệu đều là số liệu sổ sách, nó được dựa trên chi phí lịch sử một cách tổng quát và bỏ qua giá trị quan trọng để ra quyết định.



- Thứ 3: Số liệu thường là tính theo bình quân quý, nó không được tính theo bình quân ngày cũng không là số cuối năm. Xuất hiện trong nhiều báo cáo của ngân hàng thường những nhà phân tích ngân hàng sẽ kết thúc với 3 bản số liệu: một dựa trên số liệu bình quân ngày, một dựa trên số liệu bình quân quý, và một dựa trên số liệu cuối năm. Mặc dù có những điểm yếu nhưng báo cáo là nguồn chủ yếu cho việc phân tích hoạt động của ngân hàng.

## 5. Những chỉ dẫn của sự thất bại

Những NH đi đến thất bại thường không đo lường đến sự quản trị rủi ro tín, kỹ năng mà các NHTM được sử dụng để thực hiện tốt. Những NH thiếu những kỹ năng quản trị rủi ro tín dụng và được hoạt động trong một thị trường dưới sự liên kết kinh thì có thể đi đến sự thất bại.

Một dự án nghiên cứu gần đây của các nhà kinh tế và giáo dục đã cho thấy những chỉ tiêu tài chính chỉ ra sự thất bại. Những nhà nghiên cứu đã xem xét những tỷ số của các NH nhiều năm trước khi đưa đến sự thất bại. Họ đã cố gắng khám phá sự đưa đến thất bại và đã đưa ra vài hướng dẫn quan trọng chỉ ra sự thất bại của NH.

**Bảng 5: Xu hướng các chỉ tiêu đưa đến thất bại**

Tỷ số	Ảnh hưởng
1. ROA	( - )
2. Cho vay / Tài sản	( + )
3. Vốn / Tài sản	( - )

4. Nguồn vốn huy động / Tài sản	( + )
5. Thu nhập / Cho vay	( + )
6. Cho vay Thương mại, Công nghiệp/ Tài sản	( + )

Dấu cộng và trừ trong cột ảnh hưởng cho biết mối quan hệ của tỷ số và sự thất bại.